

Số: 07/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 10 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 11
(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Thực hiện Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 về bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số: 28/BC-KTNS ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai như sau:

- Tổng số dự án cần thu hồi đất: 74 dự án.
- Tổng diện tích đất cần thu hồi: 269,0 ha, gồm:
 - Diện tích đất trồng lúa khoảng: 19,18 ha.
 - Diện tích đất rừng phòng hộ (là rừng trồng) khoảng: 11,37 ha.
 - Diện tích đất rừng sản xuất khoảng: 51,4 ha.
 - Các loại đất khác còn lại khoảng: 187,04 ha.

(Chi tiết có biểu số 01 tổng hợp và các phụ biểu của 9 huyện, thị xã, thành phố kèm theo).

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung thông tin của một số dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất tại các kỳ họp trước, gồm:

1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích đất cần thu hồi đối với 10 dự án.

(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo).

2. Điều chỉnh tên của 3 dự án.

(Chi tiết có biểu số 03 kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu và thông tin các dự án đã trình; tổ chức thu hồi đất, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVI - Kỳ họp thứ 11 (kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 10 tháng 3 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.


CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Cường



| STT | Danh mục các dự án | Tổng số dự án | Tổng diện tích đất | Sử dụng từ các loại đất | | | | | | | | | | Ghi chú | |
|-----|--|---------------|--------------------|-------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|-------------------|---------|---|
| | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | Các loại đất khác | | |
| | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | | | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất |
| II | Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ) | 52,00 | 133,03 | 10,25 | | 9,56 | 1,81 | | | | | 16,02 | 11,37 | 84,02 | |
| 1 | Thành phố Lào Cai | 11 | 32,25 | 0,75 | | | | | | | | 8,19 | | 23,31 | |
| 2 | Huyện Văn Bàn | 6 | 27,27 | 2,72 | | 8,16 | 1,51 | | | | | 3,83 | 2,30 | 8,75 | |
| 3 | Huyện Bảo Thắng | 1 | 0,20 | | | | | | | | | | | 0,20 | |
| 4 | Huyện Bảo Yên | 2 | 1,60 | 0,46 | | | | | | | | | | 1,14 | |
| 5 | Huyện Si Ma Cai | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Huyện Bắc Hà | 4 | 9,31 | 0,07 | | 0,58 | 0,30 | | | | | 1,19 | 1,41 | 5,76 | |
| 7 | Huyện Mường Khương | 10 | 23,32 | 3,20 | | 0,82 | | | | | | 2,20 | 1,54 | 15,56 | |
| 8 | Huyện Bát Xát | 5 | 0,14 | 0,05 | | | | | | | | 0,09 | | | |
| 9 | Thị xã Sa Pa | 13 | 38,94 | 3,00 | | | | | | | | 0,52 | 6,12 | 29,30 | |
| III | Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) | 2,00 | 10,21 | | | | | | | | | 5,00 | | 5,21 | |



| STT | Danh mục các dự án | Tổng số dự án | Tổng diện tích đất | Sử dụng từ các loại đất | | | | | | | | | | Ghi chú | |
|------------------|--|---------------|--------------------|-------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|-------------------|---------------|---|
| | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | Các loại đất khác | | |
| | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | | | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất |
| 1 | Thành phố Lào Cai | 1 | 0,21 | | | | | | | | | | | 0,21 | |
| 2 | Huyện Văn Bàn | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Huyện Bảo Thắng | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Huyện Bảo Yên | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Huyện Si Ma Cai | 1 | 10 | | | | | | | | | 5 | | 5 | |
| IV | Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) | 5,00 | 114,00 | 6,31 | | | | | | | | 17,80 | 1,01 | 88,88 | |
| 1 | Thành phố Lào Cai | 2 | 105 | 2 | | | | | | | | 18 | | 85 | |
| 2 | Huyện Văn Bàn | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Huyện Bảo Thắng | 2 | 8 | 4 | | | | | | | | | 1 | 3 | |
| 4 | Huyện Bảo Yên | 1 | 0,62 | 0,15 | | | | | | | | | | 0,47 | |
| Tổng cộng | | 74 | 269,00 | 19,18 | - | 9,56 | 1,81 | - | - | - | - | 38,82 | 12,58 | 187,04 | - |



BỘ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH CẦN THU HỒI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LAO CAI

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

| STT | Danh mục các dự án | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư | Tổng diện tích đất | Lấy từ các loại đất | | | | | | | | | | | Các loại đất khác | Nguồn vốn | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|-------------------|--------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|-------|---|---|---------------|---------|
| | | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | | | | | |
| | | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất | | | | | |
| II | Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai); | | | 32,25 | 0,75 | - | - | - | - | - | - | - | 8,19 | - | 23,31 | | | | |
| 1 | Kè suối Ngòi Đum kết hợp với nắn suối đoạn từ cầu Kim Tân đến cầu tỉnh lộ 155, thành phố Lào Cai | Xã Cam Đường | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 7,2 | | | | | | | | | | | 7,2 | Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh + thu tiền sử dụng đất + tăng thu thuế, phí, thu khác và tiết kiệm chi ngân sách thành phố | Phê duyệt giao nhiệm vụ nghiên cứu lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư năm 2022 tại QĐ số 5306/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai | | |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai (đoạn từ khu tái định cư thôn 3 đến hầm chui đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi tái định cư Làng Đen | Xã Đồng Tuyển | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 2,0 | | | | | | | | | | | 2,0 | Thu tiền sử dụng đất ngân sách thành phố | Quyết định về chủ trương đầu tư công trình số 5196/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai; | | |
| 3 | Hạ tầng kỹ thuật Đền Thượng và khu dân cư tổ 27, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai | Phường Lào Cai | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 3,2 | | | | | | | | | | | 3,20 | Văn bản số 4412/UBND-TH của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ngày 23/9/2022 | QĐ số 1810/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố Lào Cai phê duyệt quy hoạch chi tiết quản thể du lịch Đền Thượng và khu phụ trợ cửa khẩu quốc tế Lào Cai, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai | | |
| 4 | Sửa chữa mặt đường, hệ thống thoát nước và làm mới hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh lộ 156B từ cầu Ngòi Đường qua trung tâm xã Hợp Thành | Xã Hợp Thành | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 0,15 | 0,05 | | | | | | | | | 0,05 | 0,05 | Nguồn thu tiền sử dụng đất (70%); nguồn tăng thu thuế, phí, thu khác và tiết kiệm chi ngân sách thành phố (30%) | Quyết định về chủ trương đầu tư công trình số 5285/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai | | |
| 5 | Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Nậm Rja tới thôn Muồng, xã Thống Nhất, thành phố Lào Cai | Xã Thống Nhất | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 1,3 | 0,3 | | | | | | | | | 0,10 | 0,90 | Nguồn thu tiền sử dụng đất (70%); nguồn tăng thu thuế, phí, thu khác và tiết kiệm chi ngân sách thành phố (30%) | Quyết định về chủ trương đầu tư công trình số 5285/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai | | |



| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|------------------------------------|--------------------------------------|------|------|---|---|---|---|---|---|---|---|-------|-------|---|---|
| 6 | Cải tạo hệ thống mương thoát nước tổ 3, 4 phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai | Phường Duyên Hải | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 0,5 | | | | | | | | | | 0,05 | 0,45 | Nguồn thu tiền sử dụng đất (70%); nguồn tăng thu thuế, phí, thu khác và tiết kiệm chi ngân sách thành phố (30%) | Quyết định về chủ trương đầu tư công trình số 5285/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai |
| 7 | Cải tạo, nâng cấp mặt đường, hệ thống thoát nước đường 156B, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai (đoạn từ khu tái định cư thôn 9 đến cầu Quang Kim) | Phường Duyên Hải | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 0,25 | | | | | | | | | | 0,10 | 0,15 | Nguồn thu tiền sử dụng đất (70%); nguồn tăng thu thuế, phí, thu khác và tiết kiệm chi ngân sách thành phố (30%) | Quyết định về chủ trương đầu tư công trình số 5285/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai |
| 8 | Cầu tràn qua suối Na Phai đoạn thôn Thành Châu và tuyến kè từ thôn Kíp Tước 2 đến thôn Thành Châu, xã Hợp Thành, thành phố Lào Cai | Xã Hợp Thành | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 0,35 | 0,15 | | | | | | | | | 0,05 | 0,15 | Nguồn thu tiền sử dụng đất (70%); nguồn tăng thu thuế, phí, thu khác và tiết kiệm chi ngân sách thành phố (30%) | Quyết định về chủ trương đầu tư công trình số 4996/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND thành phố Lào Cai |
| 9 | Cầu tràn Láng Dạ, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai | Xã Cam Đường | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 0,06 | | | | | | | | | | | 0,06 | Thu tiền sử dụng đất ngân sách thành phố | Quyết định về chủ trương đầu tư công trình số 1430/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố Lào Cai |
| 10 | Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ hữu suối Ngòi Đum đoạn từ đường Trần Phú đến nút giao cao tốc Nội Bài - Lào Cai IC19, thành phố Lào Cai | Phường Kim Tân và Phường Bắc Cường | Trung tâm PTQĐ TP | 9,50 | 0,25 | | | | | | | | | 0,10 | 9,15 | Nguồn thu tiền sử dụng đất nguồn tăng thu thuế, phí, thu khác và tiết kiệm chi ngân sách thành phố | NQ số 23/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thành phố Lào Cai về chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn thành phố Lào Cai |
| 11 | Đầu tư tuyến đường kết nối từ cao tốc đến đường Khúc Thừa Dụ (đường M17) | Phường Duyên Hải | Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai | 7,74 | | | | | | | | | | 7,74 | | Vốn Ngân sách (Trung ương, địa phương), xã hội hóa và các nguồn vốn khác | QĐ số 1348 BQL-TNMT - V/v đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đối với quỹ đất đầu tư tuyến đường kết nối từ cao tốc đến đường Khúc Thừa Dụ, tại khu thương mại Kim Thành. |
| III | Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang | | | 0,21 | | | | | | | | | | | 0,21 | | |
| 1 | Nhà văn hóa liên khu dân cư Sơn Tùng - Lê Văn Hưu, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai | Phường Cốc Lếu | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 0,21 | | | | | | | | | | | 0,21 | Nguồn vốn: Thu tiền sử dụng đất ngân sách thành phố Lào Cai | Phê duyệt chủ trương đầu tư tại QĐ số 1447/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 |
| IV | Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai | | | 105 | 2,10 | - | - | - | - | - | - | - | - | 17,80 | - | 85,10 | |
| 1 | Cụm công nghiệp thống nhất II | Xã Thống Nhất | Ban QLDA ĐTXD TP Lào Cai | 75,0 | 1,20 | | | | | | | | | 9,50 | 64,30 | Vốn Ngân sách (Trung ương, địa phương), xã hội hóa và các nguồn vốn khác | Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Lào Cai |



| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|--------------------------------|---------------|--------------------------------|--------|------|---|---|---|---|---|---|---|-------|---|--------|--|---|
| 2 | Cụm công nghiệp thống nhất III | Xã Thống Nhất | Ban QEDA ĐTXD TP Lào Cai | 30,0 | 0,90 | | | | | | | | 8,30 | | 20,80 | Vốn Ngân sách (Trung ương, địa phương), xã hội hóa và các nguồn vốn khác | Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Lào Cai |
| | | | | 107,46 | 2,85 | - | - | - | - | - | - | - | 25,99 | - | 108,62 | | |



**BỘ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT THU HỒI ĐẤT VÀO MỤC ĐÍCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA CÔNG CỘNG NĂM 2023
HUYỆN SI MA CAI**

(Kèm theo Nghị quyết số 07 /NQ-HDND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

| STT | Danh mục các công trình, dự án | Địa điểm | Chủ đầu tư | Tổng diện tích đất | Sử dụng từ các loại đất | | | | | | | | | | Nguồn vốn | Căn cứ pháp lý | Ghi chú | |
|-----|---|--------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|------------|----------------|---------|-------------------|
| | | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | | | | Các loại đất khác |
| | | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất | | | | |
| III | Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở sinh viên, nhà ở xã hội, nhà công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; Chợ; Nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 luật ĐĐ) | | | 10,00 | | | | | | | | | 5,00 | 5,00 | | | | |
| 1 | Cột cờ Si Ma Cai | Thị trấn Si Ma Cai, xã Nàn Sán | UBND huyện Si Ma Cai | 10,00 | | | | | | | | | 5,00 | 5,00 | Xã hội hóa | | | |
| | | | | 10,00 | | | | | | | | | 5,00 | 5,00 | | | | |



| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|-----------------------------|-----------------------------|------|------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|------|---|--|
| 1 | Tuyển kẻ chống sạt lở, bảo vệ dân cư và khu di tích lịch sử Đồn Phố Ràng, huyện Bảo Yên | Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên | 0,80 | | | | | | | | | | | | 0,80 | Dự phòng ngân sách Trung ương | Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng chính phủ; Tờ trình số 03/Tr-UBND ngày 04/01/2023 của UBND huyện Bảo Yên |
| 2 | Nâng cấp tuyến đường kết nối Quốc lộ 279 đi Cầu Nà Uốt phát triển du lịch cộng đồng xã Nghĩa Đô, huyện bảo Yên | Xã Nghĩa Đô | Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên | 0,80 | 0,46 | | | | | | | | | | 0,34 | Nguồn thu từ Đền Bảo Hà và các di tích, thắng cảnh khác | Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND huyện Bảo Yên |
| III | Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng(Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| IV | Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ) | | | 0,62 | 0,15 | | | | | | | | | | 0,47 | | |
| 1 | Mặt bằng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn mới Nà Đình xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên | Xã Nghĩa Đô | Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên | 0,62 | 0,15 | | | | | | | | | | 0,47 | Ngân sách tỉnh, huyện | Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND huyện Bảo Yên |
| | | | | 2,92 | 0,76 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 2,16 | | |



BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO YÊN

(Cm theo Nghị quyết số 07 /NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha.

| TT | Danh mục các công trình | Địa điểm XD | Chủ đầu tư | Tổng diện tích đất | Lấy từ các loại đất | | | | | | | | | Các loại đất khác | Nguồn vốn | Căn cứ pháp lý | Ghi chú | |
|----|--|-------------|-----------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|-------------------|-----------------------|--|---------|---|
| | | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | | | | |
| | | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | | | | | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất |
| I | Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) | | | 0,70 | 0,15 | - | - | - | - | - | - | - | - | 0,55 | | | | |
| 1 | Trường THCS số 1 xã Cam Cọn | Xã Cam Cọn | UBND huyện Bảo Yên | 0,40 | | | | | | | | | | 0,40 | Ngân sách tỉnh, huyện | QĐ 1515/QĐ-UBND ngày 4/7/2022 về phê duyệt chủ trương QĐ 2994/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về phê duyệt BCKTKT | | |
| 2 | Trường THCS số 1 xã Kim Sơn | Xã Kim Sơn | Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên | 0,10 | | | | | | | | | | 0,10 | Ngân sách tỉnh, huyện | QĐ 1512/QĐ-UBND ngày 4/7/2022 về phê duyệt chủ trương QĐ 2991/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về phê duyệt BCKTKT | | |
| 3 | Trường MN Kim Sơn | Xã Kim Sơn | Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên | 0,20 | 0,15 | | | | | | | | | 0,05 | Ngân sách tỉnh, huyện | QĐ 1512/QĐ-UBND ngày 4/7/2022 về phê duyệt chủ trương QĐ 2991/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về phê duyệt BCKTKT | | |
| II | Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) | | | 1,60 | 0,46 | - | - | - | - | - | - | - | - | 1,14 | | | | |

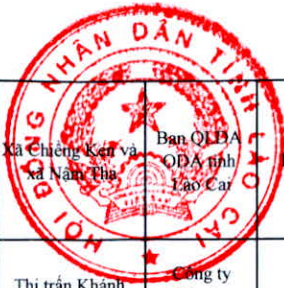
BỘ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĂN BÀN

(Kèm theo Nghị quyết số 07 /NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha



| TT | Danh mục các công trình, dự án | Địa điểm | Chủ đầu tư | Tổng diện tích đất | Lấy từ các loại đất | | | | | | | | | | Nguồn vốn | Cơ sở pháp lý | Ghi chú | |
|----|---|---------------|--|--------------------|---------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------|---|--|-------------------|
| | | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | | | | Các loại đất khác |
| | | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất | | | | |
| I | Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị - XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quần trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) | | | 0,12 | 0,12 | | | | | | | | | | | | | |
| I | Mở rộng trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Chiềng Ken | Xã Chiềng Ken | UBND xã Chiềng Ken | 0,12 | 0,12 | | | | | | | | | | NS huyện + Vốn khác | Thông báo số 1137-TB/HU ngày 08/02/2023 của Huyện ủy Văn Bàn | | |
| II | Dự án XD kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) | | | 27,27 | 2,72 | - | 8,16 | 1,51 | - | - | - | - | 3,83 | 2,30 | 8,75 | | | |
| I | Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 151C đoạn Tân An - Khe Sang (Km28+300 - Km37+600) | Xã Tân An | Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Lào Cai | 5,73 | 1,15 | | | | | | | | | 0,92 | 3,66 | Nguồn tăng thu thuế phí, thu khác, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh | Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai về việc chủ trương đầu tư một số dự án công | |



| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------------------|--|---|--|--------------|-------------|----------|-------------|-------------|----------|----------|----------|----------|----------|-------------|-------------|-------------|--|--|
| 2 | Cải tạo, nâng cấp Tinh lộ 151B đoạn Chiềng Ken - Nậm Tha (Km23-Km47) | Xã Chiềng Ken và xã Nậm Tha | Ban QLĐA ODA tỉnh Lào Cai | 12,00 | 0,80 | 4,25 | 1,07 | | | | | | | 3,66 | 0,79 | 1,43 | Nguồn thu đóng góp từ khai thác khoáng sản để đầu tư hạ tầng giao thông ngân sách tỉnh | Nghi quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai về việc chủ trương đầu tư một số dự án công |
| 3 | Cải tạo nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp, Chống quá tải, giảm tổn thất, nâng cao chất lượng điện năng khu vực huyện Văn Bàn năm 2023 | Thị trấn Khánh Yên | Công ty Điện lực Lào Cai | 0,07 | 0,01 | | | | | | | | | 0,01 | | 0,05 | Vốn Khấu hao cơ bản và tin dụng thương mại của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc | Quyết định số 2472/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc |
| 4 | Đường dây 110kV đấu nối Thủy điện Lán Bò | Xã Dân Thành, xã Dương Quý, xã Hòa Mạc, xã Làng Giàng, thị trấn Khánh Yên | Công ty Cổ phần Thăng Long Trường Phát | 1,43 | 0,35 | | | | | | | | | 0,16 | 0,59 | 0,33 | Vốn doanh nghiệp + Vốn vay | Quyết định số 4062/QĐ-BCT ngày 26/10/2018 của Bộ Công thương; Văn bản số 5860/BCT-ĐL ngày 23/09/2021 của Bộ Công thương Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 01/06/2022 của UBND tỉnh Lào Cai |
| 5 | Thủy điện Nậm Tha (hạng mục tuyến đường dây truyền tải 35 KV) | Xã Nậm Tha | Công ty cổ phần phát triển năng lượng Minh Lương | 0,11 | 0,04 | | 0,0500 | | | | | | | | | 0,02 | Vốn doanh nghiệp | Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Nậm Tha Hạ |
| 6 | Thủy điện Nậm Tha Hạ | Xã Nậm Tha | Công ty Cổ phần phát triển năng lượng Minh Lương | 7,93 | 0,37 | 3,91 | 0,39 | | | | | | | | | 3,26 | Vốn doanh nghiệp + Vốn vay | Quyết định số 1783/QĐ-BCT ngày 22/5/2018 của Bộ Công thương Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Nậm Tha Hạ |
| Tổng cộng | | | | 27,39 | 2,84 | - | 8,16 | 1,51 | - | - | - | - | - | 3,83 | 2,30 | 8,75 | | |

BỘ DUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN THU HỒI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO THẮNG

Kèm theo Nghị quyết số 07 /NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha



| STT | Danh mục các dự án | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư | Tổng diện tích đất | Lấy từ các loại đất | | | | | | | | | Các loại đất khác | Nguồn vốn | Cơ sở pháp lý | Ghi chú | |
|-----|---|----------------------------------|--|--------------------|---------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|-------------------|--|--|---|---|
| | | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | | | | |
| | | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | | | | | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất |
| I | Dự án XD trụ sở các cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC chính trị XD; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62): | | | 0,53 | 0,10 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 0,43 | | | |
| 1 | Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng | Thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng | Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Bảo Thắng | 0,10 | 0,10 | | | | | | | | | | | Ngân sách tập trung | Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Lào Cai | |
| 2 | Trụ sở làm việc Hạt kiểm lâm huyện Bảo Thắng | Thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng | Chi cục kiểm lâm tỉnh Lào Cai | 0,130 | | | | | | | | | | 0,130 | Nguồn ngân sách tập trung | Quyết định số 2104/Đ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình năm 2022 | | |
| 3 | Kê dá trụ sở UBND xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng | xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng | Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Bảo Thắng | 0,300 | | | | | | | | | | 0,300 | Nguồn thu tiền sử dụng đất của ngân sách huyện Bảo Thắng | Quyết định số 7965/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND Huyện bảo Thắng | | |



| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|--|-------------------------------|--|------|------|---|---|---|---|---|---|---|---|------|--|---|--|
| II | Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): | | | 0,20 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 0,20 | | | |
| 1 | Cầu nối QL70 đi đường BQ7 xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng | xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng | Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Bảo Thắng | 0,20 | | | | | | | | | | 0,20 | Nguồn thu tiền sử dụng đất của ngân sách huyện Bảo Thắng | Quyết định số 7965/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND Huyện bảo Thắng | |
| IV | Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) | | | 8,38 | 4,06 | - | - | - | - | - | - | - | - | 1,01 | 3,31 | | |
| 1 | Khu dân cư thôn Thái Niên, xã Thái Niên | | | 2,58 | | | | | | | | | | 0,51 | 2,07 | Ngân sách | Quyết định số 7965/QĐ-UBND huyện Bảo Thắng về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. |
| 2 | Khu dân cư thôn Cốc Sầm 4 xã Phong Niên | | | 5,80 | 4,06 | | | | | | | | | 0,50 | 1,24 | Ngân sách | |
| | | | | 9,11 | 4,16 | - | - | - | - | - | - | - | - | 1,01 | 3,94 | | |




BỘ SUNG DỰ ÁN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẮC HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số **07**/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

| STT | Danh mục các dự án | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư | Tổng diện tích đất | Đất trồng lúa | Lấy từ các loại đất | | | | | | | | | Các loại đất khác | Nguồn vốn | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|---|--|--------------------|---------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|--|--|---------|
| | | | | | | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | | | | |
| | | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất | | | | |
| I | Dự án XD trụ sở các cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC chính trị XD; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62): | | | 5,90 | | | | | | | | | | 5,90 | | | | |
| 1 | Dự án Trụ sở hành chính huyện Bắc Hà | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bắc Hà | 5,90 | | | | | | | | | | 5,90 | Ngân sách tập trung + Ngân sách huyện | Nghị Quyết số 41/NQ -HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai về Chủ trương đầu tư dự án | | |
| II | Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): | | | 9,31 | 0,07 | - | 0,58 | 0,30 | - | - | - | - | 1,19 | 1,41 | 5,76 | | | |
| 1 | Khắc phục hậu quả thiên tai đường tỉnh 153, tỉnh Lào Cai | Xã Thái Giang Phố, Xã Bản Liên huyện Bắc Hà | Sở giao thông vận tải - Xây dựng | 1,11 | 0,03 | | | | | | | | | | 1,08 | Nguồn thu tiền sử dụng đất; tăng thu thuế phí, thu khác, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác giai đoạn 2022-2024 | Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình: Khắc phục hậu quả thiên tai đường tỉnh 153, tỉnh Lào Cai; Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 5/11/2022 UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Khắc phục hậu quả thiên tai đường tỉnh 153, tỉnh Lào Cai; | |



| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|--|--------------------------|---|-------|------|------|------|--|--|--|------|------|-------|---|---|
| 2 | Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 153 đoạn Km19-Km24 và Tỉnh lộ 159 đoạn Km34-Km38 | Huyện Bắc Hà | Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Lao Cai | 6,48 | 0,04 | 0,18 | 0,30 | | | | 0,49 | 1,41 | 4,06 | Nguồn tăng thu thuế, phí, thu khác, tiết kiệm chi và các nguồn vốn hợp pháp khác ngân sách tỉnh | Nghị Quyết số 41/NQ -HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai về Chủ trương đầu tư dự án |
| 3 | Nâng cấp, mở rộng đường du lịch thôn Na Lo, xã Tà Chải, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. | Xã Tà Chải, huyện Bắc Hà | UBND xã Tà Chải | 0,12 | | | | | | | | | 0,12 | Ngân sách huyện, ngân sách xã, vốn khác | Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện Bắc Hà về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp mở rộng đường du lịch thôn Na Lo; |
| 4 | Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, chỉnh trang đô thị đường Pac Kha (LK4, LK5), xã Tà Chải, huyện Bắc Hà | Xã Tà Chải, huyện Bắc Hà | UBND huyện Bắc Hà ủy quyền Trung tâm PTQĐ quản lý dự án | 1,60 | | 0,40 | | | | | 0,70 | | 0,50 | Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách huyện | Nghị Quyết số 90/NQ -HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện Bắc Hà về phê duyệt Chủ trương đầu tư một số dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách của huyện Bắc Hà |
| | | | | 15,21 | 0,07 | 0,58 | 0,30 | | | | 1,19 | 1,41 | 11,66 | | |

BỘ SƯNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN THU HỘI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số **07**/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: ha

| STT | Danh mục các dự án | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư | Tổng diện tích đất | Lấy từ các loại đất | | | | | | | | | Nguồn vốn | Cơ sở pháp lý | Ghi chú | | |
|-----|---|-----------------------------|--------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|-----------|---------------------------|---|---|---|
| | | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | | | Các loại đất khác | |
| | | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | | | | | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất |
| I | Dự án XD trụ sở các cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC chính trị XD; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62): | | | 3,40 | 2,00 | | | | | | | | 0,20 | 1,20 | | | | |
| 1 | Trường THCS thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương | Thị trấn Mường Khương | UBND huyện Mường Khương | 1,40 | | | | | | | | | 0,20 | 1,20 | Ngân sách tỉnh + Vốn khác | Thông báo kết luận số 98/TB-VPUBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh | | |
| 2 | Nhà hợp khối các phòng ban - Đoàn thể huyện Mường Khương | | | 2,0 | 2,0 | | | | | | | | | | | | Thông báo kết luận số 80/TB-VPUBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh | |
| II | Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): | | | 23,32 | 3,20 | 0,82 | | | | | | | 2,20 | 1,54 | 15,56 | | | |
| 1 | Xử lý điểm đen tại nạn giao thông Đoan Km163+700 - Km164+300/Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai | xã Bản Lầu-Lùng Vai | Sot GTVT-XD tỉnh Lào Cai | 2,0 | | | | | | | | | | 1,21 | 0,79 | Vốn sự nghiệp chi hoạt động Kinh tế đường bộ (ngân sách NN) | Quyết định số 3428/QĐ-TCĐBVN ngày 30/8/2022 của Tổng cục đường bộ VN, về việc chuẩn bị đầu tư công trình: Xử lý điểm đen tại nạn giao thông một số vị trí trên/Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai | |
| 2 | Xử lý điểm đen tại nạn giao thông Đoan Km165+100 - Km166/Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai | xã Lùng Vai | | 1,07 | | | | | | | | | | 0,33 | 0,74 | | | |
| 3 | Xử lý điểm đen tại nạn giao thông Đoan Km177+770 - Km178+600/Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai | xã Thanh Bình | | 1,75 | | 0,82 | | | | | | | | | 0,93 | | | |
| 6 | Nâng cấp tuyến đường liên xã từ Tảo Giàng xã Lùng Vai đi Bãi Nghệ xã Bản Sen nối vào đường đi xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng | Xã Lùng Vai; xã Bản Sen | UBND huyện Mường Khương | 4,80 | 0,80 | | | | | | | | 0,30 | | 3,70 | Ngân sách tỉnh + Vốn khác | Văn bản số 459/PC-VPUBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Lào Cai | |
| 7 | Mở mới và nâng cấp đường từ QL4D kết nối dự án đường Hoàng Liên Sơn 2 xã Lùng Vai, huyện Mường Khương | Xã Lùng Vai | UBND huyện Mường Khương | 5,70 | 0,30 | | | | | | | | 0,80 | | 4,60 | Ngân sách tỉnh + Vốn khác | Thông báo KL số 264/TB-VPUBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh Lào Cai | |
| 8 | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT154 xã Bản Lầu, huyện Mường Khương đi xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | Xã Bản Lầu | UBND huyện Mường Khương | 2,50 | 0,80 | | | | | | | | 0,50 | | 1,20 | Ngân sách tỉnh + Vốn khác | Thông báo KL số 97/TB-VPUBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Lào Cai | |
| 9 | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã từ thôn Cán Hồ xã Thanh Bình đi thôn Tả San xã Lùng Vai, huyện Mường Khương | Xã Thanh Bình; xã Lùng Vai | UBND huyện Mường Khương | 2,10 | 0,60 | | | | | | | | | | 1,50 | Ngân sách tỉnh + Vốn khác | Văn bản số 207/UBND-TH ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Lào Cai | |
| 10 | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã từ thôn Thàng Chư Pên xã Tả Ngải Chồ đến thôn Lao Tảo xã Pha Long nối đường đi mốc 159 và mốc 161, huyện Mường Khương | Xã Tả Ngải Chồ; xã Pha Long | UBND huyện Mường Khương | 3,40 | 0,70 | | | | | | | | 0,60 | | 2,10 | Ngân sách tỉnh + Vốn khác | Văn bản số 207/UBND-TH ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Lào Cai | |
| | | | | 26,72 | 5,20 | 0,82 | | | | | | | 2,20 | 1,74 | 16,76 | | | |

BỘ SƯNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÁT XÁT



(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HDND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

| STT | Danh mục các dự án | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư | Tổng diện tích đất | Lấy từ các loại đất | | | | | | | | | Các loại đất khác | Nguồn vốn | Căn cứ pháp lý | Ghi chú | |
|-----------|--|-------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|-------------------|---|--|---------|---|
| | | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | | | | |
| | | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | | | | | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất |
| I | Dự án XD trụ sở các cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62): | | | 0,35 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 0,35 | | | | |
| 1 | Trường mầm non Tổng Sánh xã Tổng Sánh | xã Tổng Sánh | Ban QLDA ĐTXD huyện Bát Xát | 0,10 | | | | | | | | | | 0,10 | CT MTQG+ NST | QĐ 5472 ngày 18/8/2022 | | |
| 2 | Trường PTDTBT TH&THCS Tổng Sánh | xã Tổng Sánh | Ban QLDA ĐTXD huyện Bát Xát | 0,15 | | | | | | | | | | 0,15 | CT MTQG+ NSH | QĐ 5472 ngày 18/8/2022 | | |
| 3 | Trường MN Sáng Ma Sáo xã Sáng Ma Sáo | xã Sáng Ma Sáo | Ban QLDA ĐTXD huyện Bát Xát | 0,10 | | | | | | | | | | 0,10 | CT MTQG+ NSH+ Huy động cộng đồng | QĐ 5472 ngày 18/8/2022 | | |
| II | Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): | | | 0,14 | 0,05 | - | - | - | - | - | - | 0,09 | - | - | | | | |
| 1 | Cấp điện Thôn Tả Liêng, Phin Than, Din Pêng, Tả Suối Cầu xã Cốc Mý, huyện Bát Xát | Xã Cốc Mý | Sở Công Thương tỉnh Lào Cai | 0,04 | 0,02 | | | | | | | | | 0,02 | Vốn ODA không hoàn lại do EU tài trợ + vốn đối ứng ngân sách tỉnh | Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Lào Cai | Phù hợp | |
| 2 | Công trình cấp điện thôn Ngâm Xá, Năm Giảng 2, Linh Giang | Xã Năm Chạc | Sở Công Thương tỉnh Lào Cai | 0,02 | | | | | | | | | | 0,02 | Vốn ODA không hoàn lại do EU tài trợ + vốn đối ứng ngân sách tỉnh | Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Lào Cai | Phù hợp | |
| 3 | Công trình cấp điện các thôn Tả Cổ Thành, Nà Đoong, Lao Chải, Phin Ngan, Tùng Chín 2, Tùng Chín 3 | Xã Trinh Tường | Sở Công Thương tỉnh Lào Cai | 0,02 | 0,01 | | | | | | | | | 0,01 | Vốn ODA không hoàn lại do EU tài trợ + vốn đối ứng ngân sách tỉnh | Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Lào Cai | | |
| 4 | Dự án cấp điện 7 thôn, xã Sáng Ma Sáo, huyện Bát Xát (Năm Pên 1, Năm Pên 2, Kỵ Quan San, Nhu Cỏ San, Tung Quang Lin, Sinh Cờ, Mã Mù Sừ 2) | Xã Sáng Ma Sáo | Sở Công Thương tỉnh Lào Cai | 0,04 | 0,02 | | | | | | | | | 0,02 | Vốn ODA không hoàn lại do EU tài trợ + vốn đối ứng ngân sách tỉnh | Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh Lào Cai | | |
| 5 | Dự án cấp điện nông thôn xã Pa Cheo | Xã Pa Cheo | Sở Công Thương tỉnh Lào Cai | 0,02 | | | | | | | | | | 0,02 | Vốn ODA không hoàn lại do EU tài trợ + vốn đối ứng ngân sách tỉnh | Quyết định số 3528/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Lào Cai | | |
| | | | | 0,49 | 0,05 | - | - | - | - | - | - | - | 0,09 | - | 0,35 | | | |

BỘ SƯNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ SA PA
(Kèm theo Nghị quyết số **07**/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: ha

| STT | Danh mục các dự án | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư | Tổng diện tích đất | Lấy từ các loại đất | | | | | | | | | | | Nguồn vốn | Cơ sở pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|-------------------|---------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|-------------------|--|--|---------|
| | | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | Các loại đất khác | | | |
| | | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất | | | | |
| I | Dự án XD trụ sở các cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC chính trị XD; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62): | | | 0,75 | 0,25 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 0,50 | | | |
| 1 | Trường Mầm non Lao Chải, xã Hoàng Liên | xã Hoàng Liên | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,05 | 0,05 | | | | | | | | | | 0,05 | MTQG + dân góp | Giao chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 2757/QĐ-UBND, ngày 20/09/2022 của UBND thị xã Sa Pa quyết định giao danh mục nghiên cứu lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | |
| 2 | Trường Mầm non Bản Khoang, xã Ngũ Chỉ Sơn | xã Ngũ Chỉ Sơn | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,05 | | | | | | | | | | | 0,05 | Ngân sách tỉnh + ngân sách thị xã + MTQG + dân góp | Giao chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 2757/QĐ-UBND, ngày 20/09/2022 của UBND thị xã Sa Pa quyết định giao danh mục nghiên cứu lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | |
| 3 | Trường PTDTBT Tiểu học Bản Khoang 1, xã Ngũ Chỉ Sơn | xã Ngũ Chỉ Sơn | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,20 | 0,20 | | | | | | | | | | | Ngân sách tỉnh + ngân sách thị xã | Giao chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 2014/QĐ-UBND, ngày 23/09/2022 của UBND tỉnh quyết định giao danh mục nghiên cứu lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | |
| 4 | Trường Tiểu học Hàm Rồng, Phường Hàm Rồng | phường Hàm Rồng | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,05 | | | | | | | | | | | 0,05 | Ngân sách tỉnh + ngân sách thị xã | Giao chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 2014/QĐ-UBND, ngày 23/09/2022 của UBND tỉnh quyết định giao danh mục nghiên cứu lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | |
| 5 | Trường TH&THCS Lê Văn Tâm, Phường Hàm Rồng | phường Hàm Rồng | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,40 | | | | | | | | | | | 0,40 | Ngân sách tỉnh + ngân sách thị xã | Giao chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 2014/QĐ-UBND, ngày 23/09/2022 của UBND tỉnh quyết định giao danh mục nghiên cứu lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | |
| II | Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): | | | 38,94 | 3,00 | - | - | - | - | - | - | - | 0,52 | 6,12 | 29,30 | | | |



| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|--|---------------------------|---------------------------------------|--------------|-------------|---|---|---|---|---|------|------|------|-------------|--|--|--|
| 1 | Sân đỗ xe trung tâm xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa | xã Bản Hồ | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,4 | 0,10 | | | | | | | | | 0,31 | Ngân sách tỉnh + Ngân sách thị xã | Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND thị xã Sa Pa, phê duyệt Báo cáo kinh tế s-kỹ thuật xây dựng công trình: Sân đỗ xe trung tâm xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa | |
| 2 | Xây dựng ga rác trung chuyển rác thải sinh hoạt tại phường Hàm Rồng, thị xã Sa Pa | Phường Hàm Rồng | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,30 | 0,03 | | | | | | | | | 0,27 | Ngân sách tỉnh + ngân sách thị xã | Đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 4035/QĐ-UBND, ngày 15/12/2022 của UBND thị xã Sa Pa | |
| 3 | Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật, hạ ngầm, lát đá vỉa hè đường Mường Hoa (đoạn từ KS Bamboo đến ngã ba đường Vi Ô Lét) | Phường Sa Pa | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,2 | | | | | | | | | | 0,2 | Ngân sách tỉnh + ngân sách thị xã | Đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định Số 3416/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND thị xã Sa Pa | |
| 4 | Chỉnh trang nâng cấp mở rộng mặt đường, hạ tầng kỹ thuật, hạ ngầm, lát đá vỉa hè đường Thác Bạc | Phường Sa Pa | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,2 | | | | | | | | | | 0,2 | Ngân sách tỉnh + ngân sách thị xã | Đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định Số 3415/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND thị xã Sa Pa | |
| 5 | Chỉnh trang, nâng cấp tuyến đường du lịch Tà Van - Lao Chải | xã Tà Van, Phường Cầu Mây | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,5 | 0,2 | | | | | | | | | 0,3 | Ngân sách thị xã | Đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định Số 3482/QĐ-UBND, ngày 11/11/2022 của UBND thị xã Sa Pa | |
| 6 | Xử lý cung đường tiềm ẩn tai nạn, ùn tắc giao thông đoạn km96+000-km100+500, quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai | Thị xã Sa Pa | Sở GTVT-XD tỉnh Lào Cai | 10,50 | | | | | | | | 5,20 | 5,30 | | Ngân sách | Quyết định số 13957/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc bổ sung danh mục công trình chuẩn bị đầu tư cho kế hoạch bảo trì hệ thống quốc lộ năm 2023; | |
| 7 | Xử lý các vị trí mất an toàn và ùn tắc giao thông đoạn Km114+150 – Km114+350 và Km121+50 – Km121+150 và hệ thống rãnh dọc đoạn Km91+670 – Km92, Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai. | Thị xã Sa Pa | Sở GTVT-XD tỉnh Lào Cai | 0,8 | | | | | | | | 0,42 | 0,38 | | Ngân sách | | |
| 8 | Xử lý ùn tắc gây mất an toàn giao thông tại các đoạn: Km108+650 – Km108+940 và Km109+535 – Km109+855, Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai. | Thị xã Sa Pa | Sở GTVT-XD tỉnh Lào Cai | 1,12 | | | | | | | | 0,5 | 0,62 | | Ngân sách | | |
| 9 | Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km103+500 – Km104, Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai | Thị xã Sa Pa | Sở GTVT-XD tỉnh Lào Cai | 0,95 | | | | | | | | | | 0,95 | Ngân sách | Quyết định số 2016/QĐ-TCĐBVN ngày 14/4/2022 của Tổng cục đường bộ Việt Nam | |
| 10 | Đường bậc tuyến đường T2, khu dân cư đôi Vi Ô Lét, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa | Phường Sa Pa | Ban QLDA đầu tư xây dựng thị xã Sa Pa | 0,20 | | | | | | | | | | 0,20 | Ngân sách thị xã | Giao chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 22779/QĐ-UBND, ngày 27/09/2022 của UBND thị xã Sa Pa QUYẾT ĐỊNH giao danh mục nghiên cứu lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư năm 2022 | |
| 11 | Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 152B đoạn Thanh Phú - Nậm Càng (km0-km13) | xã Liên Minh, Mường Bo | Ban QLDA ODA và DTXD tỉnh Lào Cai | 20,48 | 1,23 | | | | | | | | | 19,25 | Nguồn thu đóng góp từ khai thác khoáng sản để đầu tư hạ tầng giao thông ngân sách tỉnh | Nghi quyết số 16/NQ HĐND ngày 15/07/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai | |
| 12 | Rãnh thoát nước đường từ cầu 32 vào tổ 3, phường Sa Pa | Phường Sa Pa | UBND phường SA Pa | 2,11 | 0,74 | | | | | | 0,52 | | | 0,82 | Vốn thu tiền sử dụng đất | Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 về việc giao danh mục lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (đợt 5) | |
| 13 | Nâng cấp tỉnh lộ 152 đoạn từ Sa Pa đi Bản Dền, thuộc dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2 - Tiểu dự án đô thị Sa Pa, tỉnh Lào Cai. | P. Cầu Mây | Ban QLDA ODA và DTXD tỉnh Lào Cai | 1,2 | 0,7 | | | | | | | | | 0,5 | Vốn đối ứng ngân sách | Văn bản số 4733/UBND-DT ngày 08/10/2022 của UBND tỉnh Lào Cai | |
| | | | | 39,69 | 3,25 | - | - | - | - | - | - | - | - | 0,52 | 6,12 | 29,80 | |

Biểu 02



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG DIỆN TÍCH ĐẤT CẢN THU HỒI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

| STT | Danh mục các dự án | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư | Tổng diện tích đất | Đất trồng lúa | Lấy từ các loại đất | | | | | | | | | | | Các loại đất khác | Nguồn vốn | Cơ sở pháp lý | Đã Thông qua tại nghị quyết | |
|-----|---|-------------------|--|--------------------|---------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|---|--|------|-------------------|---|--|---|---|
| | | | | | | Đất rừng phòng hộ | | Đất rừng đặc dụng | | | Đất rừng sản xuất | | | | | | | | | | |
| | | | | | | Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên | Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ | Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên | Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng | Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | Đất có rừng sản xuất là rừng trồng | Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất | | | | | | | |
| 1 | Dự án thành phần 1: Xây dựng cầu biên giới qua sông Hồng, nâng cấp tỉnh lộ 156 (Kim Thành - Ngòi Phát) đoạn từ nút giao với đường BV32 và BV 28 đến giao với đường BV19 thuộc dự án Cầu biên giới qua sông Hồng tại xã Ban Vực và Hạ tầng kết nối | Huyện Bát Xát | Sở GTVT- XD tỉnh Lào Cai | 5,07 | | | | | | | | | | | | 1,99 | | 3,08 | Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ + Ngân sách địa phương | - Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai về danh mục công trình, dự án thu hồi đất; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai | Đăng ký bổ sung thêm 5,07 ha (Dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 là 59,79 ha; thông qua tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 là 57,0 ha). Diện tích 7,82 ha đất lúa là đất trồng lúa 02 vụ. |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 158, đoạn Ban Vực - Ngòi Phát và Tỉnh lộ 158 đoạn Ngòi Thầu - A Mú Sung huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai | Huyện Bát Xát | Ban QLDA đầu tư xây dựng CTGT tỉnh Lào Cai | 4,2 | | 2,1 | | | | | | | | | | 2,1 | | Nguồn tăng thu thuế phi, thu khác, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh | - Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai về Chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai | Đăng ký điều chỉnh sử dụng các loại đất: Điều chỉnh bổ sung đất rừng phòng hộ 2,1 ha, đất rừng sản xuất 2,1 ha; gam các loại đất khác 4,2 ha (Dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục công trình cần thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 với tổng diện tích đất thu hồi là 8,0 ha). Diện tích 0,8 ha đất lúa là lúa 01 vụ. | |
| 3 | Đường kết nối xã Quang Kim, huyện Bát Xát với xã Cốc San, thành phố Lào Cai | Xã Quang Kim | Ban QLDA ĐTXD | 1,0 | 1,0 | | | | | | | | | | | | | Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu giai đoạn 2022-2024 | - Quyết định số 5471/QĐ-UBND ngày 18/8/2022; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai | Đăng ký bổ sung thêm 1,0 ha đất trồng lúa 2 vụ (Dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục công trình cần thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 với tổng diện tích đất thu hồi là 14,8 ha) | |
| 4 | Xây mới Trụ sở UBND xã Tân Tiến | Xã Tân Tiến | Ban QLDA ĐTXD huyện | 0,23 | 0,10 | | | | | | | | | | | | | 0,13 | Nguồn thu tiền sử dụng đất, tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách huyện + ngân sách tỉnh, chương trình MTQG + vốn hợp pháp khác | Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND huyện về chủ trương đầu tư dự án | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022. |
| 5 | Trung tâm bảo tồn và giao lưu văn hoá dân tộc Tây xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên | Xã Nghĩa Đô | Ban QLDA ĐTXD huyện | 1,51 | 0,30 | | | | | | | | | | | | | 1,21 | Nguồn thu tiền sử dụng đất, tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách huyện + ngân sách tỉnh, chương trình MTQG + vốn hợp pháp khác | Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND huyện về chủ trương đầu tư dự án | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 |
| 6 | Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phúc Khánh | Xã Phúc Khánh | UBND huyện Bảo Yên | 2,85 | 1,85 | | | | | | | | | | | 0,3 | | 0,70 | Ngân sách áp trung | QĐ số 2104/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình năm 2022 | Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 |
| 7 | Nâng cấp, cải tạo tuyến đường tỉnh lộ 160 đoạn từ cầu Hạnh phúc (thị trấn Phố Ràng) đi UBND xã Xuân Thương, huyện Bảo Yên | Thị trấn Phố Ràng | UBND huyện Bảo Yên | 0,50 | 0,10 | | | | | | | | | | | | | 0,40 | Ngân sách tập trung | | Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2022 |
| 8 | Đường D4 và san tạo mặt bằng dọc đường trung tâm xã Việt Tiến, huyện Bảo Yên | Xã Việt Tiến | Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bảo Yên | 0,35 | 0,35 | | | | | | | | | | | | | | Nguồn thu tiền sử dụng đất | Quyết định số 2036/QĐ/UBND ngày 24/8/2020 của UBND huyện Bảo Yên | Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai |
| 9 | Mặt bằng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Khuổi Phương, xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên | | | 0,20 | | | | | | | | | | | | 0,20 | | | Nguồn thu tiền sử dụng đất, tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách huyện, vốn hợp pháp khác | Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05/10/2022 của HĐND huyện về chủ trương đầu tư dự án | Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 |



| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------|--|--|------|------|---|------|---|---|---|---|---|------|---|------|--------------------------|---|---|
| 10 | San tạo mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới bản Pác Mác, xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên | Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bảo Yên | 2 | 2 | | | | | | | | | | | Vốn thu tiền sử dụng đất | Quyết định số 4852/QĐ/UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Bảo Yên | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai |
| Tổng số | | 10 | 17,9 | 5,70 | - | 2,10 | - | - | - | - | - | 4,59 | - | 5,52 | | | |

Biểu 03



DANH MỤC DỰ ÁN ĐỔI TÊN

(kèm theo Nghị quyết số 07 /NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

| STT | Tên dự án cũ | Tên dự án mới | Đã thông qua nghị quyết | Ghi chú |
|-----|---|---|--|---------|
| 1 | Nâng cấp, mở rộng đường vào xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa | Đường vào trung tâm xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa | - Thông qua tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai; - Bổ sung tại NQ số 29/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 | |
| 2 | Trường THPT Chuyên thành phố Lào Cai | Xây dựng mới trường THPT Chuyên Lào Cai" | - Thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh | |
| 3 | Xây dựng khu dân cư mới bản Pác Mạ xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên | San tạo mặt bằng, xây dựng khu dân cư mới bản Pác Mạ xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên | - Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai | |